



DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN NỘI BỘ ĐƯỢC CHẤP NHẬN

LIST OF INHOUSE ACCEPTED CALIBRATION

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: **1828** /QĐ – VPCNCLOG
ngày **04** tháng 07 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia
/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **CSVC Test Center**

Laboratory: **CSVC Test Center**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam**

Organization: **China Steel and Nippon Steel Vietnam Joint Stock Company**

Số hiệu/ Code: **VILAS 803**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria: **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực:
Field: **Đo lường - Hiệu chuẩn**

Người quản lý:
Laboratory manager: **Nguyễn Minh Phương**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Từ ngày **04** /07/2025 đến ngày 24/06/2029.**

Địa chỉ:
Address: **Khu công nghiệp Mỹ Xuân A2, phường Mỹ Xuân, thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**
My Xuan A2 Industrial Park, My Xuan Ward, Phu My City, Ba Ria-Vung Tau Province

Địa điểm:
Location: **Khu công nghiệp Mỹ Xuân A2, phường Mỹ Xuân, thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**
My Xuan A2 Industrial Park, My Xuan Ward, Phu My City, Ba Ria-Vung Tau Province

Điện thoại/ Tel: **0254-393 1168 (Ext: 752)**

Email: **minhphuong@csvc.com.vn**

Website: **http://www.csvc.com.vn**

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN NỘI BỘ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF INHOUSE ACCREDITED CALIBRATION
VILAS 803

Lĩnh vực hiệu chuẩn: **Lực**

Field of calibration: *Force*

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ¹ / <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
1	Máy thử kéo <i>Tensile testing machine</i>	(0,2 ~ 250) kN	GF-P52-056:2024 (Tham khảo/ Refer to JIS B 7721:2009 ISO 7500-1: 2018 ASTM E4-21)	0,15 %

Lĩnh vực hiệu chuẩn: **Độ dài**

Field of calibration: *Length*

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ¹ / <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
1.	Giãn kế <i>Extensometer</i>	(0,02 ~ 0,3) mm	GF-P52-057:2024 (Tham khảo/ Refer to ASTM E 2309-20).	0,4 µm
		(0,3 ~ 25) mm	GF-P52-058:2024 (Tham khảo/ Refer to JIS B 7741:1999 ISO 9513:2012 ASTM E 83-16)	0,15 %
2	Thiết bị đo chuyển vị <i>Displacement measuring devices</i>	Đến/ Up to 50 mm	GF-P52-057:2024 (Tham khảo/ Refer to ASTM E 2309-20)	0,3 %

Chú thích/ Note:

- GF-Pxx-xxx...: Quy trình hiệu chuẩn nội bộ / *Laboratory developed method*;
- ISO: Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế/ *International Organization for Standardization*;
- JIS: Tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản/ *Japanese Industrial Standard*;
- ASTM: Hiệp hội Thí nghiệm và Vật liệu Hoa Kỳ/ *American Society for Testing and Materials*;

(1) Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) được thể hiện bởi độ không đảm bảo đo mở rộng, diễn đạt ở mức tin cậy 95%, dùng hệ số phủ k=2 và công bố tối đa tới 2 chữ số có nghĩa. *Calibration and Measurement Capability (CMC) expressed as an expanded uncertainty, expressed at approximately 95% level of confidence, using a coverage factor k=2 and expressed with maximum 2 significance digits.*

Trường hợp Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường thì Công ty phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này. / *It is mandatory for the China Steel and Nippon Steel Vietnam Joint Stock Company that provides the calibration, testing of measuring instruments, measurement standard services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the services./*